TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1993; thường trú: Số C đường L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số C đường L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số D khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu H, sinh năm 1991; thường trú: Ấp C, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp C, xã V, thành phố Cần Thơ); tạm trú: Số G đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số G đường T, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H1 và bà Dương Hoàng M; cùng địa chỉ Ấp C, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp C, xã V, Thành phố Cần Thơ). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Nguyễn Hữu H2 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã V, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2014, quyển số 01/2014 cấp ngày 21/7/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số G đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vả, anh H2 có quan hệ với người phụ nữ khác, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay, chị Nguyễn Thị Hồng G xác định tình cảm với anh H2 nên đề nghị được ly hôn với anh H2.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/12/2012, Lê Nguyễn Như K, sinh ngày 28/7/2015 và Lê Nguyễn An N, sinh ngày 02/6/2019. Sau khi ly hôn, chị G đồng ý giao 03 con chung cho anh H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục, chị G tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho 03 con chung.

Hiện nay, chị G đang làm công nhân, thu nhập hằng tháng khoảng 7.000.000 đồng/tháng, 03 con chung đang sinh sống với ông bà nội tên Lê Văn H1 và bà Dương Hoàng M địa chỉ tại ấp C, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã V, Thành phố Cần Thơ).

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Hữu H:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/8/20025; tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T1 và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1, bà Dương Hoàng M trình bày:* Anh Lê Hữu H là con ruột, còn chị Nguyễn Thị Hồng G là con dâu của ông H1, bà M. Hiện nay, anh H, chị G đi làm ăn xa nên ông H1, bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu nội tên Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/12/2012, Lê Nguyễn Như K, sinh ngày 28/7/2015 và Lê Nguyễn An N, sinh ngày 02/6/2019. Nay, chị G làm đơn yêu cầu ly hôn với anh H thì ông, bà không có ý kiến gì, trường hợp Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì ông bà chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Lê Hữu H do Tòa án tiến hành ngày 17/4/2025, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị G và anh H trước khi nộp đơn khởi

kiện xin ly hôn tại Tòa án chị G không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G và bị đơn anh Lê Hữu H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn chị G yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1, bà Dương Hoàng M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Lê Hữu H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã V, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2014, quyển số 01/2014 cấp ngày 21/7/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã, hiện hai vợ chồng sống ly thân.

Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn anh H đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị G và anh H. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Hữu H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Lê Hữu H có 03 con chung tên Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/12/2012, Lê Nguyễn Như K, sinh ngày 28/7/2015 và Lê Nguyễn An N, sinh ngày 02/6/2019. Sau ly hôn, chị G đồng ý giao 03 con chung cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét 03 con chung đang sinh sống với ông bà nội, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của các cháu diễn ra bình thường, đồng thời các con chung cũng mong muốn sinh sống với anh H, vì vậy để tránh xáo trộn của sống của các con chung nên Hội đồng xét xử giao 03 con chung Lê Nguyễn Hữu T, Lê Nguyễn Như K và Lê Nguyễn An N cho bị đơn anh Lê Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định mức cấp dưỡng tối thiểu nuôi con tại Vùng 1 là 2.340.000 đồng. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Hữu H không có ý kiến hay yêu cầu gì, tuy là mức cấp dưỡng thấp hơn mức tối thiểu vùng nhưng đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng G đối với bị đơn anh Lê Hữu H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với anh Lê Hữu H {Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân UBND xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã V, Thành phố Cần Thơ) cấp ngày 21/7/2014}.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/12/2012, Lê Nguyễn Như K, sinh ngày 28/7/2015 và Lê Nguyễn An N, sinh ngày 02/6/2019 cho anh Lê Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hồng G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Lê Hữu H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0008042 ngày 08/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**